

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI
Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
Tel. (84.0299) 3852671 – 3852955 Fax. (84.0299) 3852670 – 3852958
Website: www.utxi.com.vn Email: quyenlb@utxi.com.vn; utnha@utxi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

UTXICO



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020

SÓC TRĂNG, NGÀY 07/4/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
Tel. (84.0299) 3852671 – 3852955 Fax. (84.0299) 3852670 – 3852958
Website: www.utxi.com.vn Email: quyenlb@utxi.com.vn; utnha@utxi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

UTXICO



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020

SÓC TRĂNG, NGÀY 07/04/2021



I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

1. Những sự kiện quan trọng:

- Tên doanh nghiệp bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**
- Tên doanh nghiệp bằng tiếng Anh: **UTXI AQUATIC PRODUCTS PROCESSING CORPORATION**

- Logo:



- Vốn điều lệ: 354.000.000.000 đồng
- Điện thoại: (84-0299) 3852671 – 3852955;
- Fax: (84-0299) 3852670 – 3852958;
- Website: www.utxi.com.vn;
- Email: quyenlb@utxi.com.vn; utnha@utxi.com.vn;
- Trụ sở: Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam;
- Giấy phép kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2200203836 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15 tháng 6 năm 2006, thay đổi lần thứ 17, ngày 08 tháng 07 năm 2020.

Tiền thân Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi là doanh nghiệp tư nhân hoạt động chính trong lĩnh vực mua bán tôm nguyên liệu cho các nhà máy thủy sản trong và ngoài tỉnh Sóc Trăng.

Năm 2002, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi chính thức đi vào hoạt động với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh các mặt hàng thủy sản xuất khẩu.

Ngày 15/06/2006, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi chính thức chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi theo Giấy đăng ký kinh doanh số 5903000042 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/06/2006.

Là thành viên của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP),

Thành viên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI),

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi là đơn vị đầu tiên của tỉnh Sóc Trăng sản xuất theo mô hình khép kín từ nuôi trồng đến chế biến và kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng



“Trụ sở chính công ty”

Địa chỉ: Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Các chi nhánh trực thuộc:

(1). Xí nghiệp Chế biến thủy sản Hoàng Phương:

Địa chỉ: Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



Gới thiệu tổng quan Xí nghiệp chế biến Hoàng Phương:

Công suất thiết kế 10.000 tấn thành phẩm/năm, công suất vận hành hiện tại 60-75%, công nhân sản xuất hiện tại 1.000 công nhân.

Vốn đầu tư: 101.699 triệu đồng, đưa vào hoạt động đầu năm 2004.

Thông tin về Xí nghiệp:

- Xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phương có 7.144m² mặt bằng sản xuất được bố trí linh hoạt cho nhiều dây chuyền chế biến. Được hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2003 với trang thiết bị hoàn toàn mới. Công suất xí nghiệp khoảng 10.000 tấn thành phẩm / năm.



- Phần lớn thiết bị chính được nhập khẩu từ Nhật Bản, Mỹ và Châu Âu do Searefico – đơn vị hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực thiết bị lạnh công nghiệp chế biến thủy sản – lắp đặt như:
 - + Hệ thống 03 dàn cân điện tử ANRITSU nhập khẩu nguyên đai nguyên kiện từ Nhật Bản với công suất 20.000 con/giờ/máy có khả năng phân thành 7 đến 12 cỡ với độ chính xác +/- 0.1gr.
 - + Hệ thống 03 tủ đông gió có khả năng cấp đông 900kg thành phẩm/giờ.
 - + Hệ thống 02 tủ đông tiếp xúc có công suất 1,6 tấn thành phẩm/mẻ.
 - + Hệ thống 02 băng chuyền IQF siêu tốc lạnh và lược công suất 1 tấn thành phẩm/giờ.
 - + Một băng chuyền IQF xoắn tiên tiến nhập khẩu trực tiếp từ FMC Thụy Điển có khả năng cấp đông nhiều loại sản phẩm cao cấp với công suất 450kg/giờ.
 - + 05 máy làm đá vảy chuyên dùng có thể sản xuất 100 tấn đá vảy/ngày.
 - + 07 máy rà kim loại chuyên dụng nhãn hiệu Anritsu và Ishida của Nhật.
 - + Hệ thống kho lạnh có công suất 650 tấn đảm bảo khả năng trữ lạnh ổn định ở nhiệt độ - 20 °C +/- 2.
 - + Hệ thống máy phát điện dự phòng gồm 2 máy CUMIN công suất 1.041KVA nhập khẩu từ Mỹ được hòa đồng bộ, đảm bảo nguồn cung cấp điện ổn định cho sản xuất.
 - + Hệ thống khai thác và xử lý nước cấp đảm bảo cung cấp nước đủ tiêu chuẩn dùng trong chế biến thủy sản xuất khẩu với công suất 1.200m³ / ngày đêm.
 - + Ngoài ra còn nhiều thiết bị hỗ trợ khác được trang bị đồng bộ đảm bảo khả năng chế biến từ những mặt hàng đơn giản như tôm sú còn vỏ bỏ đầu đông block đến những mặt hàng cao cấp như tôm duỗi, tôm xiên que, tôm tẩm bột, tôm hấp chín, tôm Sushi....
 - + Nhà máy có hệ thống xử lý nước thải 1.000m³/ ngày đêm.

Cuối năm 2011, Công ty tiến hành đầu tư nâng cấp, cải tạo cho phù hợp với nhu cầu thực tế từ sản xuất chuyên về tôm sú sang sản xuất sú và thẻ.

(2). Xí nghiệp Chế biến thủy sản Hoàng Phong:

Địa chỉ: Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.





Giới thiệu tổng quan Xí nghiệp chế biến Hoàng Phong:

Công suất thiết kế 10.000 tấn thành phẩm/năm, công suất vận hành hiện tại 70-80%, công nhân sản xuất hiện tại: 1.100 công nhân.

Vốn đầu tư: 127.047 triệu đồng, đưa vào sử dụng đầu năm 2007.

Thông tin về Xí nghiệp:

- Xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phong là xí nghiệp chế biến tôm đông lạnh hiện đại nhất Việt Nam hiện nay. Được hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2006, xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phong là nhà máy hiện đại nhất, là niềm tự hào của toàn công ty về tính hiện đại, hợp lý hóa sản xuất và công suất chế biến với hệ thống kho lạnh khoảng 600 tấn. Công suất xí nghiệp khoảng 10.000 tấn/năm
- Một số thiết bị tiêu biểu của xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phong:
 - + Hệ thống máy nén MYCOM gồm 10 máy thế hệ mới nhất với tổng công suất 1.367 kw nhập khẩu nguyên đai nguyên kiện từ Nhật Bản.
 - + Hệ thống 03 dàn cân điện tử ANRITSU nhập khẩu nguyên đai nguyên kiện từ Nhật Bản với công suất 20.000 con/giờ/máy có khả năng phân thành 7 đến 12 cỡ với độ chính xác +/- 0.1gr.
 - + 03 băng chuyền IQF siêu tốc phẳng dùng để cấp đông các sản phẩm lạnh và lược công suất 1,7 tấn thành phẩm/giờ.
 - + 02 băng chuyền IQF xoắn siêu tốc dùng để cấp đông các mặt hàng cao cấp như Nobashi, tôm bao bột... công suất 1 tấn thành phẩm/giờ.
 - + Hệ thống đông gió (Airplast Freezer) chuyên dụng cho các sản phẩm IQF bao gồm 09 tủ liên hoàn với công suất 3,1 tấn thành phẩm /mẻ.
 - + Hệ thống đông gió (Airplast Freezer) chuyên dụng cho các sản phẩm block bao gồm 06 tủ liên hoàn với công suất 2,2 tấn thành phẩm /mẻ.
 - + Hệ thống máy hấp để chế biến các loại tôm ăn ngay như tôm PTO hấp, PD hấp và Sushi có công suất 1,5 tấn/ giờ.
 - + 05 máy làm đá vảy chuyên dùng có thể sản xuất 150 tấn đá vảy/ngày.
 - + 05 máy rà kim loại chuyên dụng nhãn hiệu Anritsu của Nhật.
 - + Hệ thống kho lạnh có công suất 350 tấn đảm bảo khả năng trữ lạnh ổn định ở nhiệt độ - 220C +/- 2.
 - + Hệ thống máy phát điện dự phòng có công suất 1.370KVA được hòa đồng bộ, đảm bảo nguồn cung cấp điện ổn định cho sản xuất.
 - + Hệ thống khai thác và xử lý nước cấp đảm bảo cung cấp nước đủ tiêu chuẩn dùng trong chế biến thủy sản xuất khẩu với công suất 1.500m³ / ngày đêm.
 - + Bên cạnh đó công ty còn đầu tư thêm một phòng kiểm nghiệm hiện đại có khả năng kiểm tra dư lượng kháng sinh theo phương pháp ELISA, kiểm tra vi sinh... theo những yêu cầu khắt khe của những thị trường khó tính như Nhật, Châu Âu và Mỹ.
 - + Nhà máy xử lý nước thải công suất 1.500m³/ngày đêm.



Dây chuyền sản xuất được trang bị mới 100%, thiết bị đồng bộ và được đầu tư mới từ đầu, áp dụng những tiêu chuẩn quản lý tiên tiến cùng với đội ngũ công nhân lành nghề, là lợi thế của Công ty Út Xi so với các đơn vị khác.

Tất cả máy móc thiết bị được theo dõi dựa trên lý lịch máy, cơ chế vận hành, kế hoạch bảo trì thể hiện các bản chỉ dẫn trước máy được quản lý bởi đội ngũ cơ điện chuyên nghiệp.

(3). Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã:

Địa chỉ: Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



Thông tin về Xí nghiệp:

Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã là kho lưu trữ hàng thành phẩm và nguyên liệu với công suất 4.500 tấn, ở nhiệt độ âm 25 \pm 2 °C.

Vốn đầu tư: 43.743 triệu đồng, đưa vào sử dụng dãy 3.000 tấn năm 2005 và dãy 1.500 tấn sử dụng đầu năm 2008, tổng nhân sự hiện nay của Xí nghiệp là: 40 nhân sự.

Một số máy móc thiết bị Xí nghiệp:

- Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã được xây dựng hoàn thành vào cuối năm 2004, công suất thiết kế trữ hàng 3.000 tấn, với hệ thống kệ di động hiện đại, thiết bị làm lạnh nhập từ nước ngoài, nhiệt độ trong kho đảm bảo âm 25 °C \pm 2.
- Năm 2007 Công ty đầu tư mở rộng hệ thống kho lạnh Hoàng Nhã thêm 1.500 tấn và đưa vào sử dụng vào quý 2/2008 tăng khả năng trữ hàng cho 03 xí nghiệp sản xuất vào thời điểm trái vụ.
- Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã được trang bị hệ thống kệ di động rất thuận tiện cho quá trình nhập xuất hàng; cùng với 05 xe nâng hàng chuyên dùng kết hợp với phần mềm quản lý kho chi tiết cho từng vị trí từng mặt hàng trong kho tạo điều kiện tốt nhất với thời gian nhanh nhất trong quá trình nhập xuất hàng.
- Ngoài ra Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã được trang bị: 03 xe đông lạnh với tổng tải trọng có thể giao hàng cùng thời điểm là 21 tấn, 05 xe vận chuyển nguyên liệu với tổng tải trọng vận chuyển 15 tấn nguyên liệu.

**2. Tình hình hoạt động của Công ty:**

Công ty Cổ phần CBTS Út Xi chính thức hoạt động từ năm 2002 và có lãi từ năm thứ 2. Doanh thu và lợi nhuận qua các năm theo số liệu như sau:

STT	Năm	Doanh thu (đồng)	Lợi nhuận (đồng)
1	2015	638,6 tỷ	(75 tỷ 314 triệu)
2	2016	1,169,5 tỷ	11 tỷ 597 triệu
3	2017	903,5 tỷ	7 tỷ 048 triệu
4	2018	897,6 tỷ	4 tỷ 765 triệu
5	2019	987,4 tỷ	2 tỷ 762 triệu
6	2020	1,556,1 tỷ	(51 tỷ 110 triệu)

Sau 19 năm hoạt động (từ 2002 -2020), Công ty Cổ phần chế biến Thủy sản Út Xi đã đạt được những danh hiệu trong sản xuất kinh doanh sau:

- Cờ thi đua của Chính phủ tặng Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua hai năm 2005, 2006. Bộ thương mại tặng bằng khen về thành tích xuất khẩu xuất sắc năm 2005, 2006. Bằng khen của Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam về thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh và đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển cộng đồng doanh nghiệp năm 2005.

- Bằng khen của Bộ Y tế về thành tích bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người lao động trong năm 2001 – 2005.

- Năm 2006, Công ty đạt danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc (giải pháp về thị trường xuất khẩu tốt nhất) và doanh nghiệp đạt “thương hiệu vàng chất lượng” năm 2006; và doanh nghiệp 3 năm liền xuất khẩu uy tín năm 2004, 2005, 2006.

- Đạt thương hiệu xanh năm 2008 và 2009 do liên hiệp các khoa học kỹ thuật Việt Nam chứng nhận. Đạt giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2007, 2008.

- Được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen cho cá nhân Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty. Và nhiều bằng khen khác của UBND tỉnh Sóc Trăng, các Bộ, ngành Trung ương và các Ban ngành cấp tỉnh cho tập thể và cá nhân trong Công ty.

- Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi đã đạt danh hiệu “thương hiệu chứng khoán uy tín” năm 2009 và 2010.

- Được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng trao tặng danh hiệu “Doanh nghiệp văn hóa) năm 2013-2017.

3. Định hướng phát triển:**+ Mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

Đa dạng hoá sản phẩm, tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng cao là chiến lược kinh doanh của Công ty. Ngoài những sản phẩm cao cấp đang sản xuất thường xuyên cho các thị trường Nhật Bản, Châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc, Hồng Kông, v.v., như tôm tươi, tôm hấp chín, tôm xiên que, Nobashi, tôm tằm bột thông thường, Sushi, v.v.. theo yêu cầu của thị trường;



công ty đã cơ bản hoàn thành việc lập qui trình chế biến và thống nhất qui cách với khách hàng để giới thiệu một số mặt hàng mới ra thị trường như:

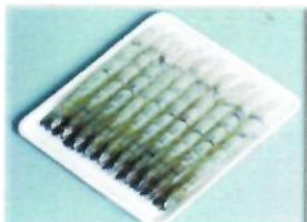
- **Thị trường Châu Âu** : Ngoài các mặt hàng truyền thống hiện đang cung cấp, Công ty Út Xi tiếp tục nghiên cứu một số mặt hàng có gia vị và phối trộn: Tôm xẻ bướm tằm bột dừa, Tôm xiên que tằm gia vị với nhiều vị khác nhau như : Tôm xiên que tằm gia vị hương tỏi, Tôm xiên que tằm gia vị hương chanh, v.v....
- **Thị trường Mỹ**: Bánh tôm bao bột kiểu Châu Á, Tôm bao bánh tráng rế, Bắp cải cuộn nhân tôm, Khô qua nhồi tôm.v.v...
- **Thị trường Hồng Kông**: Hoàn thánh nhân tôm, Nấm đông cô nhồi tôm, v.v..

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

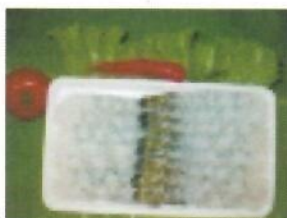
Đa dạng hóa các sản phẩm, xây dựng chuỗi sản phẩm tinh chế có giá trị cao vào các thị trường Nhật, Mỹ, Châu Âu, v.v... tăng tính cạnh tranh mang lại doanh thu và lợi nhuận cho doanh nghiệp. Tiếp tục cung cấp sản phẩm giá trị gia tăng cho các thị trường truyền thống, đồng thời kết hợp với các nhà phân phối lớn nghiên cứu sản phẩm đáp ứng theo thị hiếu tiêu dùng từng thị trường và vùng miền trên thế giới. Xây dựng, phát triển mạng lưới phân phối chuỗi siêu thị, nhà hàng ở Mỹ thông qua Công ty T&T INTERNATIONAL SEAFOOD ở Hoa Kỳ. Đầu tư và mở rộng vùng nuôi tôm theo mô hình GAP vừa tạo nguồn nguyên liệu sạch cung ứng cho công tác chế biến vừa bảo vệ môi trường không gây hại cho cộng đồng.

Một số sản phẩm tiêu biểu của Công ty:

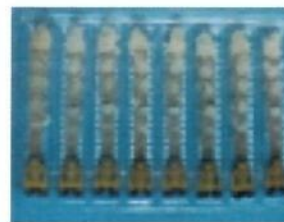
❖ **Dòng sản phẩm tôm NOBASHI**



Nobashi EBI



Nobashi EBI



Nobashi EBI

❖ **Dòng sản phẩm tôm tươi**



Raw Butterfly

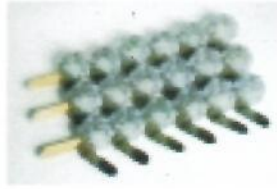


Raw HLSO



Raw HLSO EZ PEEL

❖ **Dòng sản phẩm tôm xiên que**



Double Piercing Pto Skewer



Single Piercing PD Skewer

❖ **Dòng sản phẩm tôm phối trộn**



Shrimp Paste Covered With Cabbage



Shrimp Paste With Bitter Melon

❖ **Dòng sản phẩm tôm tẩm bột**



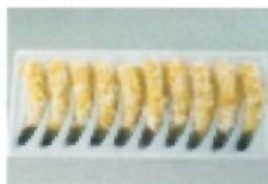
Breaded Butter Fly



Breaded PD Color



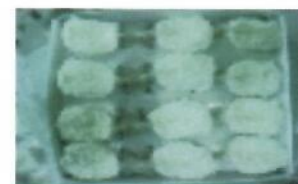
Breaded PD White



Breaded PTO Curve



Breaded PTO Straight



Coconut Breaded Butterfly

❖ **Dòng sản phẩm tôm hấp chín**



Cooked HOSO



Cooked PD



Cooked PTO



Cooked whole shrimp



Cooked whole shrimp



Sushi EBI

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Về cơ cấu thành viên hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã bầu chọn các thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 với cơ cấu các thành viên như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Triệu Dũng	Chủ tịch HĐQT	25/04/2020
2	Bà Lý Bích Quyên	Thành viên, TGD	25/04/2020
3	Ông Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên PTGD	25/04/2020
4	Ông Nguyễn Hoàng Nhã	Thành viên PTGD	25/04/2020
5	Ông Trương Trúc Linh	TV độc lập	25/04/2020

Trong 05 thành viên HĐQT hiện nay, có 02 thành viên không trực tiếp điều hành là ông Nguyễn Triệu Dũng - Chủ tịch HĐQT và ông Trương Trúc Linh, 03 thành viên còn lại tham gia điều hành Công ty bao gồm:

- Bà Lý Bích Quyên: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty;
- Ông Nguyễn Hoàng Phương: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Phụ trách sản xuất và cung ứng nguồn nguyên liệu sản xuất;
- Ông Nguyễn Hoàng Nhã Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Phụ trách đối ngoại, quan hệ khách hàng.

2. Báo cáo công tác quản lý cổ đông:

Tổng số cổ đông của Công ty hiện nay là 376 cổ đông sở hữu tổng số lượng cổ phần là 35.400.000 cổ phần, trong đó:

- 09 cổ đông là tổ chức trong nước sở hữu 8.000.505 cổ phần chiếm tỷ lệ 22,60%;
- Cổ phiếu quỹ Công ty Út Xi sở hữu 32 cổ phần;



- 366 cổ đông là cá nhân trong nước sở hữu 27.399.463 cổ phần chiếm tỷ lệ 77,40%;
- Có 07 cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên trên tổng số cổ phần Công ty, sở hữu 28.797.319 cổ phần, chiếm tỷ lệ 81,34%;
- 05 cổ đông là thành viên HĐQT sở hữu 20,486,055 cổ phần chiếm tỷ lệ 57.87 %.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

3.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Triệu Đồng	Chủ tịch HĐQT	6/6	100%
2	Bà Lý Bích Quyên	Thành viên, TGD	6/6	100%
3	Ông Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên PTGD	6/6	100%
4	Ông Nguyễn Hoàng Nhã	Thành viên PTGD	6/6	100%
5	Ông Trương Trúc Linh	TV độc lập	6/6	100%

3.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị Công ty đã luôn sao sát và kịp thời đưa ra nhiều phương hướng và các giải pháp hỗ trợ cho Ban điều hành Công ty trong việc chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:

a/- Cân đối nguồn vốn phù hợp tập trung việc thu mua và dự trữ nguyên liệu đảm bảo đủ về chất lượng và số lượng cung cho chế biến xuất khẩu.

b/- Tích cực tìm nguồn vốn bổ sung cho kế hoạch tài chính của Công ty, thông qua mối liên kết với các Ngân hàng thương mại trên địa bàn Tỉnh và ở các tỉnh trong Khu vực, nhằm đáp ứng cho nhu cầu thu mua nguyên liệu, mở rộng công tác sản xuất, tăng sản lượng xuất khẩu.

c/- Giữ vững và nâng cao các hệ thống quản lý chất lượng đã được các tổ chức quốc tế và Việt nam chứng nhận; giữ vững các thị trường truyền thống.

d/- Tích cực mở rộng vào các thị trường mới thông qua mối quan hệ với các khách hàng truyền thống; đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm tại những thị trường mới khai thác.

e/- Chuẩn bị nguồn nhân lực, sửa chữa và bổ sung trang thiết bị sản xuất phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh.



f/- Kiểm soát chặt chẽ và chuẩn bị phương án sẵn sàng ứng phó các tình huống có thể xảy ra trong công tác phòng chống dịch Covid-19.

3.3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Tính đến nay, Hội đồng quản trị vẫn chưa tổ chức thành lập các tiểu ban, nhưng chỉ đạo trực tiếp các vấn đề liên quan đến nguồn vốn, công tác đầu tư, công tác cán bộ . . . qua các cuộc họp của HĐQT, qua đó Thư ký Hội đồng quản trị cập nhật đầy đủ các thông tin cần thiết để triển khai cho Ban Điều hành Công ty thực hiện; Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc phân công một số thành viên phụ trách các vấn đề liên quan đến nhân sự, chính sách phát triển và lương thưởng Công ty.

4. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2020:

Năm 2020 là một năm kinh tế khó khăn do chịu tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 đến nền kinh tế toàn cầu và công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi cũng không tránh khỏi những ảnh hưởng đó.

- Trong năm 2020, tổng doanh thu thuần là 1.556,1 tỷ đồng bằng 150,7% so với kế hoạch đề ra. Tăng 56,69% so với doanh thu thực hiện trong năm 2019 (đạt 994,04 tỷ đồng).

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty năm 2020 là âm 51,11 tỷ đồng, giảm 1.850% so với lợi nhuận thực hiện năm 2019 (đạt 2,76 tỷ đồng). Lãi cơ bản trên 01 cổ phiếu: âm 1.452 đồng/CP giảm 2.233% so với năm 2019 (đạt 65 đồng/CP).

- Tổng giá trị tài sản tại thời điểm ngày 31/12/2020 là: 1.163,48 tỷ đồng, giảm 6,24% so với đầu năm 2020 ở mức 1.240,87 tỷ đồng.

Trên cơ sở kết quả thực hiện trong năm 2020 căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ Công ty, HĐQT định hướng một số hoạt động trọng tâm trong năm 2021 như sau:

◆ Khối lượng sản xuất: 10.800. tấn thành phẩm; trong đó:

● Sản lượng xuất khẩu: 8.011 tấn;

◆ Doanh thu xuất khẩu: 75,7 USD;

◆ Doanh thu hàng nội địa: 8,9 tỷ đồng;

◆ Tổng doanh thu: 1,752,77 tỷ đồng;

◆ Lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt: 22,59 tỷ đồng;

Để đảm bảo thực hiện đạt kế hoạch đề ra trong năm 2021, Ban Điều hành cần tập trung thực hiện các mặt công tác như sau:

1/- Lập kế hoạch huy động nguồn vốn, phục vụ cho thu mua nguyên liệu và đáp ứng cho yêu cầu phát triển Công ty;

2/- Củng cố, sắp xếp lại công tác tổ chức và kiểm soát tốt chi phí sản xuất;

3/- Tăng sản lượng, tăng mặt hàng và thị trường xuất khẩu, tiếp tục triển khai kế hoạch tiêu thụ mạnh sản phẩm UTXICO tại thị trường nội địa;

4/- Xây dựng vùng nguyên liệu và thu mua nguyên liệu phục vụ cho sản xuất;



III. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc:

1. Phân tích hoạt động năm 2020:

Từ đầu năm 2020, tất cả các doanh nghiệp trong và ngoài nước đặc biệt là các doanh nghiệp xuất khẩu phải chịu tác động trực tiếp của đại dịch Covid-19. Bởi những ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh, tình hình kinh doanh của Công ty Út Xi cũng gặp phải rất nhiều khó khăn do sự thiếu hụt nguồn nguyên liệu sản xuất, sự hạn chế lưu thông hàng hóa làm cho chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, sự thay đổi chính sách bảo hộ hàng hóa của các nước nhập khẩu tạo ra nhiều rào cản kỹ thuật và nhiều chính sách bất lợi cho nhà xuất khẩu như: chính sách chống phá giá, tăng cường mức độ kiểm vi sinh, kháng sinh... các yếu tố này đã dẫn đến việc Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2020, cụ thể:

- Trong năm 2020, tổng doanh thu thuần là 1.556,1 tỷ đồng bằng 150,7% so với kế hoạch đề ra. Tăng 56,69% so với doanh thu thực hiện trong năm 2019 (đạt 994,04 tỷ đồng).

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty năm 2020 là âm 51,11 tỷ đồng, giảm 1.850% so với lợi nhuận thực hiện năm 2019 (đạt 2,76 tỷ đồng). Lãi cơ bản trên 01 cổ phiếu: âm 1.452 đồng/CP giảm 2.233% so với năm 2019 (đạt 65 đồng/CP).

- Tổng giá trị tài sản tại thời điểm ngày 31/12/2020 là: 1.163,48 tỷ đồng, giảm 6,24% so với đầu năm 2020 ở mức 1.240,87 tỷ đồng.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

2.1. Tình hình chung:

Ngay từ đầu năm 2020, hầu hết các doanh nghiệp thủy sản trên địa bàn Tỉnh Sóc Trăng đều gặp những khó khăn bất lợi do dịch bệnh bùng phát ở giai đoạn cao điểm: từ nguồn nguyên liệu khan hiếm, giá tăng đột biến – đến việc lực lượng lao động thiếu hụt một cách trầm trọng, đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất của các doanh nghiệp khi vào vụ mùa. Nhận định về tình hình khó khăn trên, tập thể Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi đã cố gắng vượt qua những khó khăn, chỉ đạo sâu sát các nhiệm vụ dưới đây nhằm thúc đẩy công tác sản xuất kinh doanh, bao gồm:

- Việc huy động nguồn nguyên liệu cung cho sản xuất: Công ty đã cố gắng huy động lượng nguyên liệu thông qua các hợp đồng tiêu thụ thủy sản ký với các trang trại, hộ nuôi tôm và hợp đồng với các doanh nghiệp các Tỉnh lân cận để cung cấp; Tuy nhiên về giá nguyên liệu: do ảnh hưởng thời tiết, đặc biệt là tình hình dịch bệnh nghiêm trọng nên các hộ nuôi tôm hạn chế việc thả nuôi, sản lượng thu hoạch thấp nên giá nguyên liệu không ổn định có chiều hướng tăng dần, điều này đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả mang lại trong sản xuất kinh doanh; đáng ngại nhất là nguồn nguyên liệu tôm sú, mặt hàng chính có giá trị xuất khẩu mang lại hiệu quả cao trong nhiều năm của Công ty đã không ổn định về số lượng, chất lượng và size cỡ, ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận mang lại cho đơn vị trong năm qua.

- Về lực lượng lao động: như các năm trước đây cứ sau Tết nguyên đán, lao động lại thiếu hụt với số lượng lớn. Sự bùng phát dịch cao điểm trong năm 2020 rơi vào giai đoạn tháng 3, tháng 7 làm cho nhiều lao động bị thất nghiệp, nguồn lao động đổ về tỉnh nhà cũng



gia tăng nhưng do tính chất nghiêm trọng của đại dịch nên việc tuyển dụng nguồn lao động từ các tỉnh khác vào công ty cũng bị hạn chế để đảm bảo an toàn cho việc sản xuất.

- Về nguồn vốn: do ảnh hưởng từ việc một số doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh mất khả năng thanh toán, nên các tổ chức tín dụng đã rút vốn ở rất nhiều doanh nghiệp trong đó có Công ty Út Xi, cộng với lãi suất ngân hàng vẫn còn ở mức cao, các điều này đã ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; Lãnh đạo Công ty đã phải nỗ lực vận thân bằng nhiều cách nhằm huy động được nguồn vốn tập trung cho thu mua nguồn nguyên liệu cung cho sản xuất, đảm bảo duy trì sản xuất ổn định và thực hiện theo kế hoạch các đơn hàng đã ký trong năm 2020.

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

Trong năm 2020 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được một số mặt sau:

a/- Sản xuất: Tổng cộng chế biến lượng hàng tôm đông là: 10.058,1.tấn.

b/- Hàng nội địa:

- Tổng lượng hàng bán: 225,36 tấn
- Giá trị hàng bán: 40,31 tỷ;
- Thị trường tiêu thụ: TP.HCM, Sóc Trăng và các Tỉnh, Thành phố trong vùng.

c/- Xuất khẩu:

+ Tổng lượng hàng xuất khẩu: 6.867,38 tấn

+ Giá trị kim ngạch xuất khẩu: **65,03 tr USD** đạt 149,17 % kế hoạch.

d/- Thị trường xuất khẩu trong năm 2020: Các thị trường lớn bao gồm: Mỹ: chiếm **83.00%** giá trị xuất khẩu của Công ty, Nhật: **10.47%**; Trung Quốc: **2.43%**; Châu Âu: **3.19%**, Thị trường khác: **0.91%**.

e/- Kết quả thực hiện trong năm 2020:

- Tổng doanh thu thuần: 1.556,01 tỷ đồng;
- Tổng chi phí: 1.607,12 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế: (51,11) tỷ đồng;
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: (1.452) đồng/CP

2.3. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Căn cứ chỉ tiêu được Hội đồng quản trị Công ty giao, Ban Điều hành dự kiến kế hoạch thực hiện công tác sản xuất kinh doanh trong năm 2021 với các chỉ tiêu như sau:

- ◆ Khối lượng sản xuất: 10.800. tấn thành phẩm; trong đó:
 - Sản lượng xuất khẩu: 8.011 tấn;
- ◆ Doanh thu xuất khẩu: 75,7 USD;
- ◆ Doanh thu hàng nội địa: 8,9 tỷ đồng;
- ◆ Tổng doanh thu: 1,752,77 tỷ đồng;
- ◆ Lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt: 22,59 tỷ đồng;



Để đảm bảo thực hiện đạt kế hoạch đề ra trong năm 2021, Ban Điều hành cần tập trung thực hiện các mặt công tác như sau:

a/- Lập kế hoạch huy động nguồn vốn, phục vụ cho thu mua nguyên liệu và đáp ứng cho yêu cầu phát triển Công ty;

b/- Củng cố, sắp xếp lại công tác tổ chức và kiểm soát tốt chi phí sản xuất;

c/- Tăng sản lượng, tăng mặt hàng và thị trường xuất khẩu, tiếp tục triển khai kế hoạch tiêu thụ mạnh sản phẩm UTXICO tại thị trường nội địa;

d/- Xây dựng vùng nguyên liệu và thu mua nguyên liệu phục vụ cho sản xuất;

IV. Báo cáo tài chính năm 2020:

Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính và Kế toán Phía Nam (AASCS):



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200203836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 15/06/2006 và thay đổi lần thứ 17 ngày 08/07/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 354.000.000.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020 : 354.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Chế biến và xuất khẩu thủy sản

3. Ngành nghề kinh doanh

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
- Xây dựng nhà các loại
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Sản xuất giống thủy sản
- Buôn bán thủy sản
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Xây dựng công trình đường bộ
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Cho thuê xe có động cơ
- Chế biến và bảo quản rau quả
- Buôn bán rau, quả
- Buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản

4. Mô hình hoạt động

Công ty có các đơn vị thành viên trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
- Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phương	Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Xí nghiệp Kho vận Hoàng Nhã	Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phong	Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.





Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Triệu Dũng	Chủ tịch
Bà	Lý Bích Quyên	Thành viên
Ông	Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên
Ông	Trương Trúc Linh	Thành viên
Ông	Nguyễn Hoàng Nhã	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà	Lý Bích Quyên	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Trương Văn Phước	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Hoàng Nhã	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông	Đào Trường Hận	Trưởng ban
Bà	Nguyễn Thị Kim Ngân	Thành viên
Bà	Tăng Thị Mỹ Thúy	Thành viên

Đại diện pháp luật

Bà	Lý Bích Quyên
----	---------------

Kế toán trưởng

Ông	Đỗ Thành Nhơn
-----	---------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020.

Duyệt, ngày 11 tháng 01 năm 2021

TM. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch



Nguyễn Triệu Đông

Sóc Trăng, ngày 10 tháng 01 năm 2021

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Lý Bích Quyên



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: - **Cổ đông Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi**
- **Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi**
- **Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi, được lập ngày 20/02/2021, từ trang 08 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



Dương Thị Quỳnh Hoa

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0424-2018-142-1

Kiểm toán viên

Dương Nguyên Thúy Mai

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0848-2018-142-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi

Báo cáo tài chính

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.027.560.087.260	1.086.865.908.055
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.851.104.718	5.502.602.768
1. Tiền	111		1.851.104.718	5.502.602.768
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.466.073.065	15.466.073.065
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	15.466.073.065	15.466.073.065
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		379.419.791.218	368.378.270.460
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	281.475.211.698	267.410.452.772
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	74.667.036.054	67.723.478.430
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	61.378.871.206	41.810.820.922
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(38.101.327.740)	(8.566.481.664)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	623.823.343.319	693.414.374.955
1. Hàng tồn kho	141		623.823.343.319	693.414.374.955
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.999.774.940	4.104.586.807
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	1.001.010.254	1.365.461.280
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.799.845.425	2.541.390.789
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	198.919.261	197.734.738
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		135.927.685.843	154.008.042.737
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi

Báo cáo tài chính

Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		120.178.259.361	130.389.108.933
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	93.147.663.223	101.271.412.795
- Nguyên giá	222		351.314.938.295	346.898.652.795
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(258.167.275.072)	(245.627.240.000)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	27.030.596.138	29.117.696.138
- Nguyên giá	228		27.282.954.590	29.370.054.590
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(252.358.452)	(252.358.452)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	14.322.323.992	22.652.323.992
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.322.323.992	22.652.323.992
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		893.932.600	556.634.320
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	921.580.000	921.580.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(27.647.400)	(364.945.680)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		533.169.890	409.975.492
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	533.169.890	409.975.492
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.163.487.773.103	1.240.873.950.792



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi

Báo cáo tài chính

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		903.604.129.252	929.605.200.543
I. Nợ ngắn hạn	310		877.542.557.488	898.320.950.543
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	258.254.390.281	159.776.234.474
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.981.447.837	2.956.043.587
4. Phải trả người lao động	314		5.351.000.000	4.635.389.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	207.421.054.242	188.435.203.443
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	40.710.451.549	28.726.207.140
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	360.339.559.452	511.583.432.190
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.484.654.127	2.208.440.709
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		26.061.571.764	31.284.250.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	26.061.571.764	31.284.250.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi

Báo cáo tài chính

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		259.883.643.851	311.268.750.249
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	259.883.643.851	311.268.750.249
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		354.000.000.000	354.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		354.000.000.000	354.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		484.047.273	484.047.273
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(320.000)	(320.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.023.610.850	7.885.504.141
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(102.623.694.272)	(51.100.481.165)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(51.514.801.292)	(53.862.615.349)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(51.108.892.980)	2.762.134.184
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.163.487.773.103	1.240.873.950.792

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2021

Tổng Giám đốc

Đỗ Thành Nhơn

Lý Bích Quyên

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần
Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.560.674.924.450	993.046.202.069
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.661.631.472	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.556.013.292.978	993.046.202.069
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.390.532.775.505	863.512.363.046
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		165.480.517.473	129.533.839.023
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	10.155.766.332	12.769.609.595
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	66.186.886.500	61.533.016.549
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		59.918.179.600	50.748.598.696
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	120.572.900.828	68.621.380.170
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	40.835.166.209	9.775.573.495
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(51.958.669.732)	2.373.478.704
11. Thu nhập khác	31	VI.6	877.595.765	477.821.820
12. Chi phí khác	32	VI.7	27.819.013	89.166.340
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		849.776.752	388.655.480
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(51.108.892.980)	2.762.134.184
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(51.108.892.980)	2.762.134.184
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(1.452)	65
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	(1.452)	65

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2021

Tổng Giám đốc

Đỗ Thành Nhơn

Lý Bích Quyên

12

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi

Báo cáo tài chính

Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020 tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.394.792.075.913	875.378.731.955
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.143.951.298.901)	(748.627.412.518)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(77.415.933.000)	(60.724.197.045)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(40.828.940.282)	(19.112.096.851)
5. Thuế TNDN đã nộp	05		(22.580.000)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		156.023.477.330	155.299.280.112
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(132.217.634.337)	(159.529.463.890)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		156.379.166.723	42.684.841.763
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.455.373.284)	(1.504.300.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		20.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		47.044.773	32.184.853
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		74.263.164	65.080.326
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.314.065.347)	(1.407.034.821)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi

Báo cáo tài chính

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề,
tỉnh Sóc Trăng

Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
3. Tiền thu từ đi vay	33		273.875.112.370	646.870.110.547
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(425.381.029.599)	(690.688.864.197)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(700.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(152.205.917.229)	(43.818.753.650)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(4.140.815.853)	(2.540.946.708)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.502.602.768	9.764.117.668
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		489.317.803	(1.720.568.192)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		1.851.104.718	5.502.602.768

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2021

Tổng Giám đốc

Đỗ Thành Nhơn

Lý Bích Quyên



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200203836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 15/06/2006 và thay đổi lần thứ 17 ngày 08/07/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 354.000.000.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020 : 354.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Chế biến và xuất khẩu thủy sản

3. Ngành nghề kinh doanh

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Buôn bán thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Buôn bán rau, quả;
- Buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng**5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: không có****6. Mô hình hoạt động**

Công ty có các đơn vị thành viên trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
- Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phương	Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Xí nghiệp Kho vận Hoàng Nhã	Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phong	Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).





Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.



Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.



Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.



Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chi tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-30 năm
- Máy móc, thiết bị	05-30 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-10 năm
- Thiết bị văn phòng	05-10 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	05-25 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.



Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".



Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.



Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.



Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.



Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

20. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH) : Là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi

Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề,
tỉnh Sóc Trăng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	20.622.171	5.223.413.639
Tiền mặt VND	20.622.171	5.223.413.639
Tiền gửi ngân hàng	1.830.482.547	279.189.129
Tiền gửi VND	108.946.168	149.203.417
Tiền gửi ngoại tệ	1.721.536.379	129.985.712
Cộng	1.851.104.718	5.502.602.768

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn****Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Các khoản đầu tư ngắn hạn khác (trại tôm) (*)				
+ Công ty TNHH Thanh Bình	8.089.763.223	-	8.089.763.223	8.089.763.223
+ DNTN Phương Hà	1.993.331.767	-	1.993.331.767	1.993.331.767
+ Lê Hoàng Nam	3.610.655.632	-	3.610.655.632	3.610.655.632
+ Các đối tượng khác	1.772.322.443	-	1.772.322.443	1.772.322.443
Cộng	15.466.073.065	-	15.466.073.065	15.466.073.065

Ghi chú: (*) - Là những khoản tiền đầu tư (hỗ trợ) vào các trại tôm, đến nay đã lâu, trong năm 2020 đơn vị đã trích lập dự phòng 100% các khoản đầu tư này, giá trị hợp lý được đánh giá dựa trên giá trị gốc trừ đi trích lập dự phòng.

2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần ĐT& PT Đô Thị Đầu Khí Cửu Long	921.580.000	27.647.400	893.932.600	921.580.000	364.945.680	556.634.320
Cộng	921.580.000	27.647.400	893.932.600	921.580.000	364.945.680	556.634.320

2.3 Thuyết minh về các bên liên quan của khoản đầu tư được trình bày ở TM VIII - thông tin bổ sung khác

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần
Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
+ Công ty TNHH TP Năng Đại Dương	2.259.447.565	2.259.447.565
+ Beaver Street Fisheries, Inc	58.822.970.707	22.963.135.949
+ Mazzetta Company LLC	10.601.137.294	10.635.653.695
+ T&T International Seafood, Inc	36.119.241.880	87.182.470.609
+ Tokyo Kyokuichi Co.,Ltd	-	3.503.177.419
+ Ocean Road Co.,Ltd	952.025.493	1.222.458.914
+ Fang Cheng Gang Hong Tong Tong Trading Co.,Ltd	6.011.455.378	8.334.255.378
+ Dongxing City Tao Tian Trade Co.,Ltd	31.872.036.040	8.340.004.560
+ Fangchenggang City Fangcheng District Xun Chuang Import & Export Trade Co.,Ltd	12.335.273.440	6.874.572.080
+ Các đối tượng khác	122.501.623.901	116.095.276.603
Cộng	281.475.211.698	267.410.452.772

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
+ Võ Thị Huyền Trinh	2.200.000.000	4.598.646.800
+ Lê Quốc Toàn	-	4.655.220.770
+ Công ty TNHH Hải Sản Minh Tiên	3.570.280.471	6.679.483.623
+ Nguyễn Thị Phượng Hoàng	-	5.036.297.030
+ Ngô Thị Điệp	5.251.632.504	5.925.387.704
+ Nguyễn Văn Khá	1.964.205.066	6.364.205.066
+ Tiêu Lê Trọng Tín	4.608.537.416	4.608.537.416
+ Dương Quốc Đạt	5.971.800.000	2.674.188.723
+ Lâm Văn Báo	5.000.000.000	-
+ Lê Văn Hậu	5.000.000.000	-
+ Lê Văn Lập	5.000.000.000	-
+ Nguyễn Thị Bảo Trang	5.500.000.000	-
+ Nguyễn Trọng Thế	5.300.000.000	1.906.026.200
+ Đối tượng khác	25.300.580.597	25.275.485.098
	74.667.036.054	67.723.478.430

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	61.378.871.206	3.508.040.833	41.810.820.922	-
- Tạm ứng	383.624.518	-	284.684.518	-
+ Nguyễn Văn Lực	3.238.518	-	3.238.518	-
+ Lê Thanh Sơn	-	-	22.550.000	-
+ Phạm Thanh Huy	321.996.000	-	211.006.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi

Báo cáo tài chính

Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Tạm ứng (tiếp theo)				
+ Nguyễn Văn Luận	7.000.000	-	7.000.000	-
+ Các đối tượng khác	51.390.000	-	40.890.000	-
- Phải thu khác	60.995.246.688	3.508.040.833	41.526.136.404	-
+ Bà Huỳnh Thị Mai	4.965.154.285	3.508.040.833	4.965.154.285	-
+ Công Ty TNHH Thanh Bình	4.973.145.971	-	4.973.145.971	-
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	4.809.532	-	4.594.809.532	-
+ Bà Trương Nguyễn Phượng Vy	13.083.200.000	-	10.946.400.000	-
+ Huỳnh Kiều Oanh (PXTM)	5.942.532.097	-	5.942.532.097	-
+ Vương Hoài Phúc	11.555.591.542	-	-	-
+ Các đối tượng khác	20.470.813.261	-	10.104.094.519	-
Cộng	61.378.871.206	3.508.040.833	41.810.820.922	-
6. NỢ XẤU				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	38.101.327.740	-	8.566.481.664	-
<u>Chi tiết:</u>				
+ Chung Phước Thành	229.007.618	-	229.007.618	-
+ Huỳnh Xuân Phong	960.425.932	-	960.425.932	-
+ Lương Văn Hùng	1.859.904.934	-	1.859.904.934	-
+ Quách Tấn Tài	755.309.232	-	755.309.232	-
+ Trần Hữu Hậu	329.058.127	-	329.058.127	-
+ Trương Bích Tô	291.409.722	-	291.409.722	-
+ Công ty TNHH TP Năng Đại Dương	2.259.447.565	-	2.259.447.565	-
+ Mazzetta Company LLc (*)	10.601.137.294	-	-	-
+ Lê Hoàng Nam (*)	3.610.655.632	-	-	-
+ Công ty TNHH Thanh Bình (*)	8.089.763.223	-	-	-
+ Huỳnh Thị Mai (*)	4.508.040.833	-	-	-
+ Đối tượng khác (*)	4.607.167.629	-	1.881.918.535	-
Cộng	38.101.327.740	-	8.566.481.664	-

Ghi chú:

- Các khoản nợ đã được lập dự phòng (100%) khả năng thu hồi ước tính là không đồng.

(*) Trong năm, công ty đã trích dự phòng cho các khoản phải thu này theo quyết định số 01/QDDUXX ngày 20 tháng 02 năm 2021.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi

Báo cáo tài chính

Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

7 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.974.505.608	-	1.479.134.350	-
- Công cụ, dụng cụ	5.777.108.612	-	4.688.318.050	-
- Chi phí SXKD dở dang	1.872.810.834	-	2.859.864.777	-
- Thành phẩm	614.198.918.265	-	684.387.057.778	-
Cộng	623.823.343.319	-	693.414.374.955	-

8 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Xây dựng cơ bản	14.322.323.992	22.652.323.992
+ Văn phòng công ty	14.322.323.992	22.652.323.992
Cộng	14.322.323.992	22.652.323.992

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	174.767.450.640	153.935.702.818	9.398.830.840	2.915.140.775	5.881.527.722	346.898.652.795
Số tăng trong năm	61.353.858	5.879.729.273	295.000.000	155.375.700	-	6.391.458.831
- Mua trong năm	61.353.858	5.879.729.273	295.000.000	155.375.700	-	6.391.458.831
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	825.567.273	1.149.606.058	-	-	1.975.173.331
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	825.567.273	1.149.606.058	-	-	1.975.173.331
Số dư cuối năm	174.828.804.498	158.989.864.818	8.544.224.782	3.070.516.475	5.881.527.722	351.314.938.295
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	106.040.868.991	123.267.370.257	7.601.739.484	2.848.500.771	5.868.760.497	245.627.240.000
Số tăng trong năm	5.613.063.950	7.689.586.463	369.872.553	24.007.303	12.767.225	13.709.297.494
- Khấu hao trong năm	5.613.063.950	7.689.586.463	369.872.553	24.007.303	12.767.225	13.709.297.494
Số giảm trong năm	-	19.656.364	1.149.606.058	-	-	1.169.262.422
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	19.656.364	1.149.606.058	-	-	1.169.262.422
Số dư cuối năm	111.653.932.941	130.937.300.356	6.822.005.979	2.872.508.074	5.881.527.722	258.167.275.072
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	68.726.581.649	30.668.332.561	1.797.091.356	66.640.004	12.767.225	101.271.412.795
Tại ngày cuối năm	63.174.871.557	28.052.564.462	1.722.218.803	198.008.401	-	93.147.663.223

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

: 42.930.072.353 VND
: 89.235.435.929 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi

Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	29.117.696.138	-	144.358.452	108.000.000	-	29.370.054.590
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	2.087.100.000	-	-	-	-	2.087.100.000
- Thanh lý, nhượng bán	2.087.100.000	-	-	-	-	2.087.100.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	27.030.596.138	-	144.358.452	108.000.000	-	27.282.954.590
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	144.358.452	108.000.000	-	252.358.452
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	144.358.452	108.000.000	-	252.358.452
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	29.117.696.138	-	-	-	-	29.117.696.138
Tại ngày cuối năm	27.030.596.138	-	-	-	-	27.030.596.138

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

30

Không
252.358.452

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn,
huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**11.1. Ngắn hạn**

- CCDC xuất dùng
- Chi phí bảo hiểm xe, nhà xưởng, hàng hóa
- Chi phí khác

Cộng**11.2. Dài hạn**

- Chi phí bảo hiểm xe, nhà xưởng, hàng hóa
- CCDC xuất dùng
- Chi phí khác (sửa chữa)

Cộng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- CCDC xuất dùng	794.585.531	1.010.380.910
- Chi phí bảo hiểm xe, nhà xưởng, hàng hóa	88.091.390	74.102.653
- Chi phí khác	118.333.333	280.977.717
Cộng	1.001.010.254	1.365.461.280
- Chi phí bảo hiểm xe, nhà xưởng, hàng hóa	28.870.826	37.320.824
- CCDC xuất dùng	-	-
- Chi phí khác (sửa chữa)	504.299.064	372.654.668
Cộng	533.169.890	409.975.492



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

12 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**12.1. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngân hàng bằng Việt Nam	-	-	133.970.000.000	225.471.140.580	91.501.140.580	91.501.140.580
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	-	-	-	41.670.000.000	41.670.000.000	41.670.000.000
CN Ngân hàng Phát Triển tỉnh Sóc Trăng	-	-	-	28.049.590.580	28.049.590.580	28.049.590.580
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Sóc Trăng	-	-	133.970.000.000	155.751.550.000	21.781.550.000	21.781.550.000
- Vay ngân hàng bằng ngoại tệ	148.026.559.452	148.026.559.452	61.245.011.560	124.432.743.718	211.214.291.610	211.214.291.610
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Sóc Trăng (USD)	-	-	60.815.817.770	67.708.158.770	6.892.341.000	6.892.341.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (USD)	148.026.559.452	148.026.559.452	429.193.790	51.859.990.648	199.457.356.310	199.457.356.310
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (USD)	-	-	-	4.864.594.300	4.864.594.300	4.864.594.300
- Vay đối tượng khác	212.313.000.000	212.313.000.000	65.200.000.000	61.755.000.000	208.868.000.000	208.868.000.000
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	29.741.800.000	29.741.800.000	-	1.008.000.000	30.749.800.000	30.749.800.000
Công ty TNHH Bán Buôn Thủy sản Đại Phú Xuân	22.800.000.000	22.800.000.000	22.800.000.000	-	-	-
Đoàn Minh Khơi	-	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

32

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2020

							Đơn vị tính: VND
Nguyễn Thị Phương Hoàng	-	-	-	12.400.000.000	12.400.000.000	12.400.000.000	12.400.000.000
Tăng Lương Nghi	16.060.000.000	16.060.000.000	10.000.000.000	800.000.000	6.860.000.000	6.860.000.000	6.860.000.000
Đặng Văn Út Anh	-	-	-	7.411.000.000	7.411.000.000	7.411.000.000	7.411.000.000
Công ty TNHH XD TM Phó Sang	92.206.200.000	92.206.200.000	2.000.000.000	-	90.206.200.000	90.206.200.000	90.206.200.000
Công ty TNHH XD & TM Nhân Lạc	31.400.000.000	31.400.000.000	11.900.000.000	25.500.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
Nguyễn Kim Hồng Hạnh	5.605.000.000	5.605.000.000	-	636.000.000	6.241.000.000	6.241.000.000	6.241.000.000
Công ty TNHH XD & TM Tài Lạc	14.500.000.000	14.500.000.000	18.500.000.000	4.000.000.000	-	-	-
Cộng	360.339.559.452	360.339.559.452	260.415.011.560	411.658.884.298	511.583.432.190	511.583.432.190	

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số/ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
Hợp đồng số 1902/HĐ/TD ngày 19/02/2015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (USD)	Theo từng kỳ ước nhưng không quá 12 tháng	Theo từng kỳ ước	148.026.559.452	Cầm cố, thế chấp
Hợp đồng số 01/HĐ/VV/PVCL-UTXI/2017 ngày 02/11/2017 và phụ lục số 05 ngày 09/01/2019	Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	12 tháng	11%/năm	29.741.800.000	Tin chấp
Hợp đồng tạm mượn số 01/HĐ/ĐPX-UTXI/2020 ngày 30/08/2020	Công ty TNHH Bán Buôn Thủy sản Đại Phú Xuân	4 tháng	9%/năm	22.800.000.000	Tin chấp
Hợp đồng vay vốn ngày 03/06/2019, 11/06/2019 và ngày 03/06/2020, 22/09/2020	Tăng Lương Nghi	12 tháng	6-11%/năm	16.060.000.000	Tin chấp
Hợp đồng vay vốn số 01/HĐ/PS-UTXI/2019 ngày 27/11/2019	Công ty TNHH XD TM Phó Sang	Đến 31/12/2020	11%/năm	92.206.200.000	Tin chấp
Hợp đồng tạm mượn số 01/HĐ/TL-UTXI/2019 ngày 31/12/2019	Công ty TNHH XD & TM Nhân Lạc	12 tháng	10%/năm	31.400.000.000	Tin chấp



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi

Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

	Số cuối năm			Phát sinh			Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Hợp đồng vay vốn ngày 25/09/2019		Nguyễn Kim Hồng Hạnh	12 tháng						Tin chấp
Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/TAILUC-UTXI/2020 ngày 31/03/2020		Công ty TNHH XD & TM Tài Lạc	9 tháng	10%/năm					Tin chấp
Cộng							360.339.559.452		
12.2. Vay dài									
- Vay ngân hàng bằng Việt Nam									
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- CN Sóc Trăng</i>									
- Vay đối tượng khác									
Đặng Văn Út Anh	6.176.571.764	6.176.571.764					31.284.250.000	31.284.250.000	
Cộng	19.885.000.000	19.885.000.000	20.725.000.000	840.000.000			31.284.250.000	31.284.250.000	
Chỉ tiết các khoản vay ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:									
Số/ngày của hợp đồng vay		Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất		Số cuối năm		Hình thức đảm bảo khoản vay	
Hợp đồng số 428/HĐTD ngày 05/03/2013		Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- CN Sóc Trăng	5 năm	Theo từng khế ước		6.176.571.764		Cầm cố, thế chấp	
Hợp đồng vay vốn ngày 12/03/2020		Đặng Văn Út Anh	15 năm	11,0%		19.885.000.000		Tin chấp	
Cộng						26.061.571.764			



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
- Công ty TNHH MTV Vy Khang	2.151.148.392	2.151.148.392	19.637.802.380	19.637.802.380
- Ocean Road Co.,Ltd	26.781.650.918	26.781.650.918	5.187.480.846	5.187.480.846
- Công ty TNHH Bán buôn Thủy sản Đại Phú Xuân	150.894.038.420	150.894.038.420	80.717.788.400	80.717.788.400
- Công ty TNHH TM&VT Sơn Vinh	286.310.000	286.310.000	929.500.000	929.500.000
- Nguyễn Thị Thanh Thủy	-	-	10.473.932.000	10.473.932.000
- Công ty TNHH MTV Thủy sản Châu Bá Thảo	4.576.084.300	4.576.084.300	49.069.554	49.069.554
- Công ty TNHH TM Khởi Hoàng	51.162.734.093	51.162.734.093	21.101.132.120	21.101.132.120
- Các đối tượng khác	22.402.424.158	22.402.424.158	21.679.529.174	21.679.529.174
Cộng	258.254.390.281	258.254.390.281	159.776.234.474	159.776.234.474

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
14.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	1.134.880.915	1.134.880.915	-
+ <i>Đã khấu trừ</i>	-	1.134.880.915	1.134.880.915	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.819.908.104	22.580.000	22.580.000	2.819.908.104
Thuế thu nhập cá nhân	1.094.000	86.521.094	61.072.844	26.542.250
Thuế tài nguyên	5.268.000	66.000.000	66.044.000	5.224.000
Thuế khác	129.773.483	6.000.000	6.000.000	129.773.483
Cộng	2.956.043.587	1.249.982.009	1.224.533.759	2.981.447.837
	Số đầu năm	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số cuối năm
14.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế nhập khẩu	197.734.738	1.184.523	-	198.919.261
Cộng	197.734.738	1.184.523	-	198.919.261

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Lãi vay	207.421.054.242	188.435.203.443
Cộng	207.421.054.242	188.435.203.443

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- KPCĐ	21.593.780	39.886.880
- BHXH, BHYT, BHTN	175.000.000	
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	4.107.048.795	4.807.048.795
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	36.406.808.974	23.879.271.465
+ Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	5.800.000.000	5.800.000.000
+ Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tài Lực	10.525.000.000	-
+ Công ty TNHH Xây dựng	14.700.000.000	-
+ Công ty TNHH Bán buôn Thủy sản Đại Phú Xuân	1.858.000.000	-
+ Vương Hoài Phúc	-	13.049.261.710
+ Các đối tượng khác	3.523.808.974	5.030.009.755
Cộng	40.710.451.549	28.726.207.140

Thuyết minh về các khoản phải trả của bên liên quan trình bày thuyết minh VIII - Thuyết minh khác



Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

17 - VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	354.000.000.000	484.047.273	(320.000)	7.647.250.695	(53.147.855.011)	308.983.122.957
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	2.762.134.184	2.762.134.184
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	(476.506.892)	(476.506.892)
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	238.253.446	(238.253.446)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước (Số dư đầu năm nay)	354.000.000.000	484.047.273	(320.000)	7.885.504.141	(51.100.481.165)	311.268.750.249
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	(51.108.892.980)	(51.108.892.980)
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	(276.213.418)	(276.213.418)
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	138.106.709	(138.106.709)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	354.000.000.000	484.047.273	(320.000)	8.023.610.850	(102.623.694.272)	259.883.643.851

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần
Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ông Nguyễn Hoàng Nhã	79.730.860.000	79.730.860.000
- Ông Nguyễn Triệu Dũng	71.160.000.000	71.160.000.000
- Ông Nguyễn Hoàng Phương	53.294.110.000	53.294.110.000
- Công ty CP ĐT Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI)	24.000.000.000	24.000.000.000
- Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CT CP (PVFCCo)	24.000.000.000	24.000.000.000
- Trần Thị Thùy Liên	17.894.110.000	17.894.110.000
- Vốn góp của các cổ đông là cá nhân khác	83.920.920.000	83.920.920.000
Cộng	354.000.000.000	354.000.000.000

17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	354.000.000.000	354.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	354.000.000.000	354.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

17.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.400.000	35.400.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.400.000	35.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	35.400.000	35.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	32	32
+ Cổ phiếu phổ thông	32	32
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.399.968	35.399.968
+ Cổ phiếu phổ thông	35.399.968	35.399.968
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

17.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	8.023.610.850	7.885.504.141

18 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	71.747,01	2.758,00
- EUR	15,74	164,66
- AUD	237,47	237,47
- JPY	276.312,00	277.764,00

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần
Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.550.247.980.585	987.440.595.419
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.517.759.425	5.169.200.880
- Doanh thu khác (vỏ tôm)	909.184.440	436.405.770
Cộng	1.560.674.924.450	993.046.202.069

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Hàng bán bị trả lại	4.661.631.472	
Cộng	4.661.631.472	

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.382.052.626.165	859.017.437.374
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.480.149.340	4.494.925.672
Cộng	1.390.532.775.505	863.512.363.046

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	176.940.863	82.689.163
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.252.685.602	12.686.920.432
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (chủ yếu là tiền vay)	3.726.139.867	-
Cộng	10.155.766.332	12.769.609.595

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	59.918.179.600	50.585.671.130
- Dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.606.005.180	8.579.364.808
- Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(337.298.280)	(281.081.900)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.649.062.511
Cộng	66.186.886.500	61.533.016.549

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	620.625.455	45.454.545
- Các khoản khác	256.970.310	432.367.275
Cộng	877.595.765	477.821.820

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần
Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	27.819.013	89.166.340
Cộng	27.819.013	89.166.340

8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
8.1. Chi phí bán hàng		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	4.339.710.330	2.525.703.329
- Chi phí nhân công	3.803.898.200	4.772.680.860
- Chi phí khấu hao	1.604.512.544	1.471.966.490
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.849.773.253	57.957.243.620
- Các khoản chi phí bán hàng khác	62.975.006.501	1.893.785.871
Cộng	120.572.900.828	68.621.380.170

8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nguyên, vật liệu	218.076.817	294.068.792
- Chi phí công cụ, dụng cụ	676.430.827	392.700.031
- Chi phí nhân công	7.758.005.971	6.405.738.870
- Chi phí khấu hao	601.120.352	738.968.873
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.173.695.422	1.324.050.447
- Thuế, phí, lệ phí	72.310.758	197.235.222
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	29.581.890.849	-
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(47.044.773)	(32.184.853)
- Các khoản chi phí QLDN khác	800.679.986	454.995.813
Cộng	40.835.166.209	9.775.573.195

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.198.056.737.366	950.410.291.207
- Chi phí nhân công	82.911.320.751	65.695.949.663
- Chi phí công cụ, dụng cụ	9.176.403.155	3.690.456.248
- Chi phí khấu hao TSCĐ	13.709.297.494	13.651.697.524
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.831.794.725	40.720.789.535
- Chi phí bằng tiền khác	86.902.086.047	43.370.242.304
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đ	29.534.846.076	(32.184.853)
Cộng	1.445.587.639.538	1.117.539.426.481

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Cộng	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần
Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(51.108.892.980)	2.762.134.184
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	223.139.682	2.661.062.511
<i>Chi phí không hợp lý</i>	223.139.682	12.000.000
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	-	2.649.062.511
+ Các khoản điều chỉnh giảm	2.649.062.511	-
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm 2019</i>	2.649.062.511	-
- Chuyển lỗ các năm trước		5.423.196.695
- Tổng thu nhập chịu thuế	(53.534.815.809)	-
- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường (thuế suất 20%)	-	-
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	(51.108.892.980)	2.762.134.184

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(51.108.892.980)	2.762.134.184
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	276.213.418	476.506.892
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	35.399.968	35.399.968
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	(1.452)	65

12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(51.108.892.980)	2.762.134.184
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	276.213.418	476.506.892
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	35.399.968	35.399.968
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.452)	65

(*) : Quỹ khen thưởng phúc sẽ được hồi tố khi công ty phân phối từ lợi nhuận sau thuế theo quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: không phát sinh
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không phát sinh
- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	273.875.112.370
- Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	425.381.029.599

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần
Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những thông tin tài chính khác: không có
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có sự kiện phát sinh cần công bố sau ngày lập BCTC.
3. Thông tin về các bên liên quan:

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Nguyễn Triệu Đồng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	Đồng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH Bán buôn Thủy sản Đại Phú Xuân	Công ty con của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long

**3.2. Giao dịch với bên có liên quan**

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao, thưởng của HĐQT	593.500.000	148.500.000

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	Vay	
	Trả tiền vay	1.008.000.000
Công ty TNHH Bán buôn Thủy sản Đại Phú Xuân	Vay	22.800.000.000

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	Tiền vay phải trả	29.741.800.000	30.749.800.000
	Phải trả khác	5.800.000.000	5.800.000.000
	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	921.580.000	921.580.000



Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận:

Trong năm 2020, Công ty không lập báo cáo bộ phận (do không thỏa mãn điều kiện để lập báo cáo bộ phận).

5. Quản lý rủi ro của Công ty:

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

c. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá cổ phiếu:

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các quan quản lý.



Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Rủi ro về giá bất động sản:

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

- Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

- Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

5.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	360.339.559.452	26.061.571.764	-	386.401.131.216
Phải trả người bán	258.254.390.281	-	-	258.254.390.281
Chi phí phải trả	207.421.054.242	-	-	207.421.054.242
Các khoản phải trả khác	40.710.451.549	-	-	40.710.451.549
Số đầu năm				
Vay và nợ	511.583.432.190	31.284.250.000	-	542.867.682.190
Phải trả người bán	159.776.234.474	-	-	159.776.234.474
Chi phí phải trả	188.435.203.443	-	-	188.435.203.443
Các khoản phải trả khác	28.726.207.140	-	-	28.726.207.140

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Tại Thuyết minh Báo cáo tài chính này, Công ty đã sử dụng các tài sản đảm bảo để làm thế chấp cho các khoản vay và nắm giữ tài sản đảm bảo của các bên khác cho các giao dịch của Công ty.

6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.851.104.718	5.502.602.768	1.851.104.718	5.502.602.768
Phải thu khách hàng	281.475.211.698	267.410.452.772	281.475.211.698	267.410.452.772
Trả trước cho người bán	74.667.036.054	67.723.478.430	74.667.036.054	67.723.478.430
Các khoản phải thu khác	61.378.871.206	41.810.820.922	61.378.871.206	41.810.820.922
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	258.254.390.281	159.776.234.474	258.254.390.281	159.776.234.474
Người mua trả tiền trước				
Vay và nợ	386.401.131.216	542.867.682.190	386.401.131.216	542.867.682.190
Phải trả người lao động	5.351.000.000	4.635.389.000	5.351.000.000	4.635.389.000
Chi phí phải trả	207.421.054.242	188.435.203.443	207.421.054.242	188.435.203.443
Các khoản phải trả khác	40.710.451.549	28.726.207.140	40.710.451.549	28.726.207.140

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối năm. Tuy nhiên, Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

7. Điều chỉnh trong Báo cáo tài chính năm trước do các thay đổi trong chính sách kế toán của năm nay: không có

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đỗ Thành Nhơn

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2021

Tổng Giám đốc

Lý Bích Quyên

Chi tiết Báo cáo Tài chính Công ty được đăng tải trên Website Công ty: www.utxi.com.vn từ ngày 25/03/2021

**V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:****1. Kiểm toán độc lập:**

Tổ chức chịu trách nhiệm kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2020:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM



Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: (+84)28-3820 5944; Fax: (+84)28-3820 5942;

Website: www.aascs.com.vn Email: info@aascs.com.vn

Xem chi tiết ý kiến của kiểm toán viên được trình bày ở mục IV báo cáo tài chính và chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam.

2. Kiểm toán nội bộ:

Kiểm toán viên nội bộ sau khi soát xét báo cáo tài chính do Phòng kế toán tài vụ lập gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 cũng như luồng tiền luân chuyển trong năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi cho năm tài chính 2020.

Sau khi tham khảo ý kiến của kiểm toán viên độc lập, kiểm toán viên nội bộ Công ty chấp nhận toàn bộ báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi như trình bày ở mục IV.

VI. Các công ty có liên quan: Không.**VII. Tổ chức nhân sự:****- Hội đồng quản trị:**

Stt	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ Học vấn	Quê quán	Chức vụ
1	Nguyễn Triệu Dũng	Nam	1960	12/12	Sóc Trăng	CT.HĐQT
2	Lý Bích Quyên	Nữ	1980	CN anh văn	Sóc Trăng	Thành viên
3	Nguyễn Hoàng Phương	Nam	1972	12/12	Sóc Trăng	Thành viên
4	Nguyễn Hoàng Nhã	Nam	1984	CN QTKD	Sóc Trăng	Thành viên
5	Trương Trúc Linh	Nam	1971	TC.QLNVGT	Bến Tre	Thành viên

- Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Quê quán	Chức vụ
1	Đào Trường Hận	Nam	1970	CN Kế toán QTrị	Sóc Trăng	Trưởng ban
2	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	1991	CN QTKD	Sóc Trăng	Thành viên
3	Tăng Thị Mỹ Thúy	Nữ	1991	CN Tài nguyên MT	Sóc Trăng	Thành Viên

- Ban Tổng giám đốc và kế toán trưởng:

Stt	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Quê quán	Chức vụ
-----	-----------	-----------	----------	----------	----------	---------

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

1	Lý Bích Quyên	Nữ	1980	CN anh văn	Sóc Trăng	Tổng giám đốc
2	Trương Văn Phước	Nam	1959	12/12	Sóc Trăng	P.Tổng giám đốc
3	Nguyễn Hoàng Phương	Nam	1972	12/12	Sóc Trăng	P.Tổng giám đốc
4	Nguyễn Hoàng Nhã	Nam	1984	CN.QTKD	Sóc Trăng	P.Tổng giám đốc
5	Đỗ Thành Nhơn	Nam	1978	Thạc sỹ TCNH	Cà Mau	Kế toán trưởng

* Tóm tắt lý lịch các thành viên trong Ban điều hành, Ban Kiểm soát Công ty:

- **Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:**

Họ và tên: NGUYỄN TRIỆU DŨNG	
☞ Giới tính:	Nam;
☞ Ngày tháng năm sinh:	1960;
☞ Nơi sinh:	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng;
☞ Quốc tịch:	Việt Nam;
☞ Dân tộc:	Kinh;
☞ Địa chỉ thường trú:	Số SL01-17 Đường số 11, Khu đô thị 5A, Phường 4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
☞ Điện thoại liên lạc:	0299.3660656;
☞ Trình độ học vấn:	12/12
☞ Trình độ chuyên môn:	CEO do Đại học Kinh tế TP.HCM đào tạo
☞ Quá trình công tác:	- Năm 1980 – 1994: Tham gia công tác tại Công ty Nông sản thực phẩm tỉnh Hậu Giang (nay là Công ty Thương mại Cần Thơ) với chức vụ: Trưởng trạm thu mua của các huyện Long Mỹ, Thốt Nốt. -1994-02/2002: Phụ tiếp gia đình làm kinh doanh thủy sản. - T02/2002 - nay: Thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi, T6/2006 chuyển thành Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
☞ Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi;
☞ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

Họ và tên: LÝ BÍCH QUYÊN	
☞ Giới tính:	Nữ;
☞ Ngày tháng năm sinh:	1980;
☞ Nơi sinh:	Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
☞ Quốc tịch:	Việt Nam;
☞ Dân tộc:	Kinh;

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

☞ Địa chỉ thường trú:	Số BD 01-03 Khu Dân cư Minh Châu, QL1A, Phường 7, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng,
☞ Điện thoại liên lạc:	0299.3660565
☞ Trình độ học vấn:	12/12
☞ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân anh văn
☞ Quá trình công tác:	Từ 2005 – nay: Công tác tại Công ty CP CBTS Út Xi
☞ Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi; Tổng giám đốc Công ty.
☞ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

Họ và tên: TRƯƠNG VĂN PHƯỚC

☞ Giới tính:	Nam;
☞ Ngày tháng năm sinh:	1959;
☞ Nơi sinh:	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng;
☞ Quốc tịch:	Việt Nam;
☞ Dân tộc:	Kinh;
☞ Địa chỉ thường trú:	Số 44 lô KTM 05 Đường số 6, Khu đô thị 5A, Phường 4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
☞ Điện thoại liên lạc:	0299.3660565;
☞ Trình độ học vấn:	12/12
☞ Trình độ chuyên môn:	CEO do Đại học Kinh tế TP.HCM đào tạo
☞ Quá trình công tác:	- Năm 1980 – 1994: Tham gia công tác tại Công ty Nông sản thực phẩm tỉnh Hậu Giang (Công ty Thương mại Cần Thơ) với chức vụ là Cán bộ Trạm Giao dịch của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh. - T02/2002 - nay: Cùng với một số thành viên trong gia đình thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi; T6/2006 chuyển thành Công ty CP CBTS Út Xi
☞ Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi; Phó Tổng giám đốc Công ty.
☞ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG

☞ Giới tính:	Nam;
☞ Ngày tháng năm sinh:	1972;
☞ Nơi sinh:	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

☞ Quốc tịch:	Việt Nam;
☞ Dân tộc:	Kinh;
☞ Địa chỉ thường trú:	Số BD 01-03 Khu Dân cư Minh Châu, QL1A, Phường 7, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng,
☞ Điện thoại liên lạc:	0299.3660565;
☞ Trình độ học vấn:	12/12
☞ Trình độ chuyên môn:	CEO do Đại học Kinh tế TP.HCM đào tạo
☞ Quá trình công tác:	- Năm 1991 – 2001: Học phổ thông xong phụ giúp gia đình trong công tác kinh doanh của DNTN Út Xi. - T02/2002 – nay: Góp vốn thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi; T6/2006 chuyển thành Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
☞ Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi; Phó Tổng giám đốc Công ty; phụ trách sản xuất.
☞ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG NHÃ

☞ Giới tính:	Nam;
☞ Ngày tháng năm sinh:	1984;
☞ Nơi sinh:	Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
☞ Quốc tịch:	Việt Nam;
☞ Dân tộc:	Kinh;
☞ Địa chỉ thường trú:	BD 03 Khu Dân cư Minh Châu, QL1A, P.7, Tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
☞ Điện thoại liên lạc:	0299.3660565;
☞ Trình độ học vấn:	12/12
☞ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân QTKD Trường Strayer University, Washington, D.C. Hoa Kỳ
☞ Quá trình công tác:	Từ tháng 02/2002 – đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi;
☞ Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT Công ty CP CBTS Út Xi; Phó Tổng giám đốc Công ty; phụ trách quan hệ khách hàng;
☞ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

Họ và tên: TRƯƠNG TRÚC LINH

☞ Giới tính:	Nam;
--------------	------

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

☞ Ngày tháng năm sinh:	1971;
☞ Nơi sinh:	Xã Tân Thạnh, Châu Thành, Bến Tre;
☞ Quốc tịch:	Việt Nam;
☞ Dân tộc:	Kinh;
☞ Địa chỉ thường trú:	34/5 QL1A, khóm 5, P.2, Tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
☞ Điện thoại liên lạc:	0299.3660565;
☞ Trình độ học vấn:	12/12
☞ Trình độ chuyên môn:	Trung cấp quản lý nghiệp vụ giao thông
☞ Quá trình công tác:	- Năm 1991 – 2001: Học phổ thông xong phụ giúp gia đình trong công tác kinh doanh của DNTN Út Xi. - T02/2002 – nay: Làm việc tại Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã trực thuộc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
☞ Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi; Phó giám đốc Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã;
☞ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

- Ban kiểm soát:

Họ và tên: ĐÀO TRƯỜNG HẠN	
☞ Giới tính:	Nam;
☞ Ngày tháng năm sinh:	1970;
☞ Nơi sinh:	Thị xã Sóc Trăng;
☞ Quốc tịch:	Việt Nam;
☞ Dân tộc:	Kinh;
☞ Địa chỉ thường trú:	49 Nguyễn Văn Linh, Khóm 6, Phường 2, TP Sóc Trăng
☞ Điện thoại liên lạc:	0299.3852955;
☞ Trình độ học vấn:	12/12
☞ Trình độ chuyên môn:	ĐH quản trị kinh doanh, chuyên ngành Kế toán quản trị;
☞ Quá trình công tác:	Từ năm 2003 cho đến nay công tác tại Công ty Cổ phần CBTS Út Xi qua các giai đoạn: - 01/2003-12/2003: Kế toán XN Khánh Lợi; - 01/2004-12/2005: Cán bộ Phòng Kế toán Công ty; - 01/2006-12/2008: Phụ trách Kế toán XN Hoàng Phương; - 01/2009 đến nay: Phó Giám đốc -> Giám đốc Xí nghiệp Kho vận Hoàng Nhã, chi nhánh Công ty Út Xi.
☞ Chức vụ công tác hiện nay:	Trưởng Ban kiểm soát; Giám đốc Xí nghiệp Kho vận Hoàng Nhã, Chi nhánh Cty CP CBTS Út Xi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bò, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

☞ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Ngân	
☞ Giới tính:	Nữ;
☞ Ngày tháng năm sinh:	02/10/1991
☞ Nơi sinh:	Nhon Hòa 2, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng
☞ Quốc tịch:	Việt Nam;
☞ Dân tộc:	Kinh;
☞ Địa chỉ thường trú:	Nhon Hòa, Gia Hòa 2, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng
☞ Điện thoại liên lạc:	
☞ Trình độ học vấn:	12/12
☞ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị kinh doanh
☞ Quá trình công tác:	
☞ Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Ban kiểm soát; Nhân viên Phòng Kinh doanh
☞ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

Họ và tên: Tăng Thị Mỹ Thúy	
☞ Giới tính:	Nữ;
☞ Ngày tháng năm sinh:	18/08/1991
☞ Nơi sinh:	Tham Đôn, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng
☞ Quốc tịch:	Việt Nam;
☞ Dân tộc:	Kinh;
☞ Địa chỉ thường trú:	Số 703 Lý Thường Kiệt, Khóm 6, Phường 4, TP. Sóc Trăng
☞ Điện thoại liên lạc:	
☞ Trình độ học vấn:	12/12
☞ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế Tài nguyên môi trường
☞ Quá trình công tác:	
☞ Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Ban kiểm soát; Nhân viên Phòng Đảm bảo chất lượng
☞ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

- Kế toán trưởng Công ty:

Họ và tên: ĐỖ THÀNH NHON	
☞ Giới tính:	- Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

☞ Ngày tháng năm sinh:	- 08/10/1978
☞ Nơi sinh:	- Cà Mau
☞ Quốc tịch:	- Việt Nam
☞ Dân tộc:	- Kinh
☞ Địa chỉ thường trú:	- Ấp Tân Thành, Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi, Cà Mau
☞ Điện thoại liên lạc:	- 02993.852955 (Ext: 8018) - 0918037150
☞ Trình độ học vấn:	- 12/12
☞ Trình độ chuyên môn:	- Thạc sĩ Tài Chính Ngân Hàng
☞ Quá trình công tác:	- Từ 11/2001 đến 10/2002 làm việc tại Công ty XNK Hữu Nghị - CN Cà Mau - Chức vụ Q. Kế toán trưởng - Từ 11/2002 đến nay làm việc tại công ty CP CBTS ÚT XI – Chức vụ Kế toán trưởng.
☞ Chức vụ công tác hiện nay:	Kế toán trưởng Cty CP CBTS Út Xi.
☞ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

- Quyền lợi Ban Tổng giám đốc: Ban Tổng giám đốc hưởng lương hàng tháng theo quy chế tiền lương của Công ty được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị và tiền thưởng được hưởng theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi quyết toán năm.

Số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 31/12/2020: 431 nhân sự, bao gồm:

Stt	Phân theo trình độ chuyên môn	Số lượng	Tỷ lệ
1	Trình độ đại học, trên đại học	42	9,8%
2	Trình độ trung cấp và tương đương	44	10,2%
3	Công nhân có tay nghề chế biến thủy sản	345	80%
4	Công nhân đang học nghề, thử việc	0	0%
Tổng cộng		431	100%

Chính sách đào tạo:

Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học tập nâng cao tay nghề, hiểu được tầm quan trọng của mình đối với công việc, ý thức được công việc của mình từ đó tránh những động tác thừa, tăng năng suất lao động mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp. Công ty Út Xi thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo tại doanh nghiệp và bên ngoài như: tổ chức triển khai huấn luyện công nhân sản xuất các sản phẩm mới, đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng: HACCP, ISO 9001: 2000, BRC (phiên bản 4), ISO 14001: 2004, ISO 22000:2005 .v.v... Ngoài ra Công ty thường xuyên cử cán bộ chuyên môn tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn bên ngoài nhằm hoàn thiện và cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn ngày một hiệu quả.



Trong năm 2020, 03 cán bộ quản lý được tham gia Khóa đào tạo Giám Đốc Điều hành (CEO)-K3 (khai giảng 24/10/2020).

Chính sách lương, thưởng

Công ty luôn có chính sách đãi ngộ thông qua tiền lương, thưởng trả cho người lao động, nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thu nhập tương đối ổn định, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp. Công ty Út Xi trả lương theo sản phẩm làm ra căn cứ vào định mức khoán và hệ số tiền lương được công khai, luôn tạo sự công bằng cho người lao động; là động lực tạo tính cạnh tranh lành mạnh trong lao động sản xuất, qua đó lãnh đạo doanh nghiệp luôn chú trọng vào mức thu nhập tăng hơn theo từng năm. Mức thu nhập bình quân của người lao động qua 04 năm liền kê bao gồm:

Chỉ tiêu/ 01 lao động	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Thu nhập bình quân/ tháng (VNĐ)	3.625.000	3.675.000	3.750.000	5.900.000

Ngoài những khoản thu nhập từ lương, Người lao động còn được Công ty bố trí nhà tập thể, và hỗ trợ tiền nhà trọ cho những lao động làm việc từ 01 năm trở lên, Công ty hỗ trợ một phiếu ăn trưa cho người lao động làm việc trong ngày.

Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học tập nâng cao tay nghề, hiểu được tầm quan trọng của mình đối với công việc, ý thức được công việc của mình từ đó tránh những động tác thừa, tăng năng suất lao động mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

VIII. Hoạt động của Ban kiểm soát:**1. Hoạt động Ban Kiểm soát trong năm 2020:**

Ban kiểm soát có 3 thành viên:

1. Ông Đào Trường Hận - Trưởng ban;
2. Bà Tăng Thị Mỹ Thúy - Thành viên;
3. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thành viên.

Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho Cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát họp định kỳ một năm ba lần, để xem xét đánh giá hoạt động điều hành và xem xét mức độ tuân thủ của báo cáo tài chính Công ty, trước khi công bố ra bên ngoài.

Căn cứ hoạt động năm 2020, Ban kiểm soát Công ty chưa phát hiện xảy ra trường hợp nào vi phạm các qui định nêu trong Điều lệ Công ty và không nhận được bất cứ đơn thư khiếu nại nào từ Cổ đông có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Kế hoạch hoạt động năm 2021:

- Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện vai trò của mình trong mọi hoạt động của công ty, theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại điều lệ hoạt động của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

- Thiện công tác kiểm tra giám sát theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đối với Ban điều hành công ty. Thực hiện công tác thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng, năm trước khi báo cáo ra thị trường chứng khoán và cổ đông.

Kiểm tra giám sát chặt chẽ công tác công bố thông tin, nhất là các thông tin về báo cáo tài chính quý, năm, báo cáo thường niên, báo cáo quản trị công ty, và các thông tin liên quan đến các thành viên HĐQT và những người có liên quan giao dịch cổ phiếu công ty.

*** Các vấn đề khác:**

Theo Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

Tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền Ban kiểm soát giám sát được Trưởng ban báo cáo lên Hội đồng quản trị trước khi trình cho Cổ đông. Trong năm 2020, Ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp nào trong quản trị điều hành Công ty vi phạm Điều lệ Công ty và Pháp luật.

IX. Thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao
I. Hội đồng quản trị:			
1	Nguyễn Triệu Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	180.000.000
2	Lý Bích Quyên	Thành viên Hội đồng quản trị	84.000.000
3	Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên Hội đồng quản trị	84.000.000
4	Nguyễn Hoàng Nhã	Thành viên Hội đồng quản trị	84.000.000
5	Trương Trúc Linh	Thành viên Hội đồng quản trị	84.000.000
Cộng:			516.000.000
II. Ban kiểm soát:			
1	Đào Trường Hận	Trưởng ban kiểm soát	60.000.000
2	Tăng Thị Mỹ Thúy	Thành viên kiểm soát	30.000.000
3	Nguyễn Thị Kim Ngân	Thành viên kiểm soát	30.000.000
Cộng			120.000.000
Tổng cộng thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2020			636.000.000

X. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT:

	Họ và tên	Chức vụ trong HĐQT	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Triệu Dũng	Chủ tịch	7.116.000	20,10%
2	Lý Bích Quyên	Thành viên	65.398	0,185%
3	Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên	5.329.411	15,05%

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**


Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

4	Nguyễn Hoàng Nhã	Thành viên	7.973.086	22,52%
5	Trương Trúc Linh	Thành viên	2.160	0,006%
		Tổng cộng:	20.486.055	57.87%

Thông tin giao dịch cổ phiếu của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan các đối tượng nói trên: Không.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi, do Hội đồng quản trị công ty lập và báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin trên website Công ty theo Luật định.

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (để báo cáo)
- Đăng CBTT trên website Cty: www.utxi.com.vn
- Lưu VP. 

Sóc Trăng, ngày 09 tháng 04 năm 2021

CÔNG TY CP CBTS ÚT XI**CHỦ TỊCH HĐQT****NGUYỄN TRIỆU DŨNG**